

Bản án số: 14/2018/HNGĐ - ST

Ngày 15/10/2018.

“V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình.”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thiện Hoàng.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Triệu Đình Giáp;

2. Ông Ma Đình Nghi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái nguyên tham gia phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 98/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 về việc “ Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXX-ST ngày 06 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lý Thị Th (tên gọi khác Lý Thị Thu Th), sinh ngày 02/01/1975.

Nơi ĐKKHKT: Xóm PT, thị trấn TC, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ở hiện nay: Xóm 6 KT, xã KS, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Anh Ma Văn H, sinh ngày 28/10/1974.

Địa chỉ: Xóm PT, thị trấn TC, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện nay đang chấp hành án tại phân trại 6 (k6) trại giam Phú Sơn 4 – Cục Cảnh sát quản lý trại giam, Cơ sở giáo dục bắt buộc, Trường Giáo dưỡng – C10 Bộ Công an.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 07/4/2018 và quá trình tố tụng giải quyết vụ án nguyên đơn chị Th trình bày:

Chị Th và anh H kết hôn với nhau vào ngày 28/11/1992 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KS, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương. Sau khi kết hôn chị về nhà anh H làm dâu ngay, ăn ở cùng gia đình chồng tại xóm PT, thị trấn TC, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vợ chồng sống với nhau có thời gian dài hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2010 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H hay đi chơi bởi không quan tâm đến gia đình, đến vợ con và có biểu hiện sử dụng chất ma túy, chị đã góp ý với anh nhưng anh không nghe còn gây sự đánh chửi chị. Đến năm 2012 anh H bắt đầu nghiện và sử dụng ma túy nhiều hơn dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng. Đầu năm 2014 anh vi phạm pháp luật và bị kết án tù, hiện đang đi chấp hành án tại trại giam Phú Sơn 4 – C10 Bộ Công an. Thời gian đầu chị có xuống thăm anh nhưng từ năm 2016 cho đến nay chị không xuống thăm anh nữa, khi con đi thăm anh chị cũng nói rõ lý do xin hôn cho anh H được rõ và anh H cũng đồng ý cho chị ly hôn. Chị Th xác định việc kết hôn của chị với anh H là khách quan, tự nguyện, không bị ai đe dọa, ép buộc. Khi kết hôn anh H và chị kê khai lấy ngày tháng năm sinh theo năm âm lịch để đăng ký kết hôn, tuy nhiên anh H không đủ tuổi kết hôn nhưng chị không yêu cầu hủy kết hôn trái luật và không có yêu cầu nào khác. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể đoàn tụ, chị cương quyết xin được ly hôn.

- Về con chung: Chị Th xác định vợ, chồng có hai con chung là cháu Ma Đức L, sinh năm 1993 và cháu Ma Thị Minh H, sinh năm 1996 hiện nay các con đều đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), khỏe mạnh, lao động tự túc được. Ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị Th xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: Chị Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Chị Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Về phía bị đơn anh Ma Văn H vắng mặt tại phiên tòa do đang chấp hành án tại trại giam Phú Sơn 4, tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ngày 31/8/2018 anh H trình bày:*

Về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, thời gian vợ chồng sống ly thân, về con chung, về việc không có nợ chung như chị Th trình bày là đúng, anh không có gì bổ sung thêm. Về mâu thuẫn như chị Th trình bày là đúng nguyên nhân vợ chồng cũng không chia sẻ cảm thông nhau, anh ham chơi với bạn

bè không quan tâm đến vợ, con, nghiện hút chất ma túy, vi phạm pháp luật. Vợ chồng chính thức ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đang đi chấp hành án còn vài năm nữa mới chấp hành xong, không về để hòa giải, để tham gia tố tụng tại phiên tòa được. Vì vậy chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, làm đơn xin ly hôn anh hoàn toàn đồng ý. Anh xác định hôn nhân của anh với chị Th là hợp pháp, có đăng ký kết hôn, tự nguyện. Vì vậy đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung của vợ chồng như chị Th trình bày là đúng, vợ chồng có hai con chung là cháu Ma Đức L và cháu Ma Thị Minh H, hiện nay các con đều đã trưởng thành lao động tự túc được. Vì vậy ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết; về khoản có cho vay chung, nợ chung: không có; công sức chị Th đóng góp cho gia đình chồng: không có.

Trước khi nghị án, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân theo pháp luật tố tụng, việc cấp giao tổng đạt văn bản tố tụng, việc xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, thủ tục tố tụng, thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự đảm bảo đúng quy định của pháp luật;

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Th, cho chị Th được ly hôn anh H; về con chung các cháu đã trưởng thành lao động tự túc được, vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết; về tài sản chung các đương sự tự thỏa thuận phân chia, công nợ, công sức không có vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết; về án phí dân sự sơ thẩm chị Thảo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng, lấy lời khai, nhưng không tiến hành hòa giải được. Vì vậy vụ án được đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

- Về tố tụng:

Đây là vụ án “Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình” mà bị đơn cư trú tại thị trấn TC, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết

của Toà án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Ma Văn H vắng mặt tại phiên tòa và không biết chữ, tuy nhiên trong quá trình lấy lời khai, tổng đạt văn bản tố tụng anh H đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh theo quy định của pháp luật. Vì Tòa án xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của đương sự, xác minh. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay có sự tham gia của Viện kiểm sát nhân dân theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

- *Xét về quan hệ hôn nhân và yêu cầu xin ly hôn của chị Th, ý kiến của anh H thấy rằng:*

Chị Th và anh H kết hôn với nhau ngày 28/11/1992 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KS, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (*quê chị Th*). Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương, có Giấy đăng ký kết hôn, có xác nhận của UBND xã KS, huyện Đ, sự việc này là chính xác, đúng thực tế. Sau khi kết hôn vợ, chồng sống với nhau có thời gian dài hạnh phúc, có con chung, tài sản chung. Từ năm 2010 mới phát sinh mâu thuẫn trong ăn ở sinh hoạt, do anh H không quan tâm đến gia đình, vợ chồng không kịp thời chia sẻ bảo nhau làm ăn, rồi anh H nghiện ma túy, vi phạm pháp luật, bị kết án tù. Anh H, chị Th đăng ký kết hôn với nhau ngày 28/11/1992 khi đó anh H mới sang tuổi 18 chưa sang tuổi 20, chưa đủ điều kiện về tuổi kết hôn theo quy định tại Điều 5 luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 là “*Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn*”. Vi phạm điều kiện về tuổi kết hôn. Tuy nhiên, khi anh, chị đi đăng ký kết là hoàn toàn tự nguyện, không có sự lừa dối, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương, sau khi kết hôn vợ chồng đã có thời gian dài hạnh phúc, có con chung, tài sản chung. Trong đơn xin ly hôn và tại phiên tòa ngày hôm nay chị Th không yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật, chị cương quyết xin ly hôn anh H. Anh H xác định quan hệ hôn nhân của anh với chị Th là hợp pháp, có đăng ký kết hôn, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định. Đến thời điểm Tòa án giải quyết việc xin ly hôn anh H và chị Th đều đủ tuổi đăng ký kết hôn. Vì vậy không cần hủy việc kết hôn giữa anh H và chị Th mà xét thấy mâu thuẫn vợ, chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn anh H của chị Th là có căn cứ, giải quyết cho chị Th được ly hôn anh H là phù hợp. Căn cứ

khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị Thảo được ly hôn anh Hùng.

- *Về việc nuôi con chung xét thấy:* Chị Th và anh H có hai con chung là cháu Ma Đức L, sinh năm 1993 và cháu Ma Thị Minh H, sinh năm 1996 hiện nay các cháu đều đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung:* Chị Th và anh H xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

- *Về khoản có cho vay chung, nợ chung:* Chị Th và anh H xác định không có, vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

- *Về công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng:* Chị Th và anh H xác định không có, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Th phải chịu dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị Th (tên gọi khác Lý Thị Thu Th) được ly hôn anh Ma Văn H.

2. Về con chung: Cháu Ma Đức L, sinh năm 1993 và cháu Ma Thị Minh H, sinh năm 1996 đều đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Chị Lý Thị Th (tên gọi khác Lý Thị Thu Th) và anh Ma Văn H xác định tự phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về khoản có cho vay chung, nợ chung: Chị Lý Thị Th (tên gọi khác Lý Thị Thu Th) và anh Ma Văn H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Chị Lý Thị Th (tên gọi khác Lý Thị Thu Th) và anh Ma Văn H xác định không có. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lý Thị Th (tên gọi khác Lý Thị Thu Th) phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d(Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0018110 ngày 14/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Hóa. Chị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm,

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn; báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Định Hoá (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Định Hóa;
- Các đương sự (2 bản);
- UBND xã KS;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thiện Hoàng